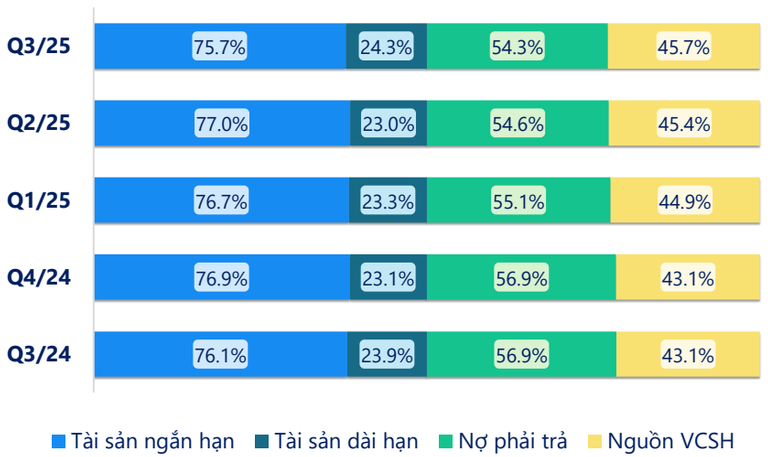
FireAnt

CTCP Lizen (HSX: LCG)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	12,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,467
SL cổ phiếu LH	193,090,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,422,140
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,404
P/E	18.7
EPS	664

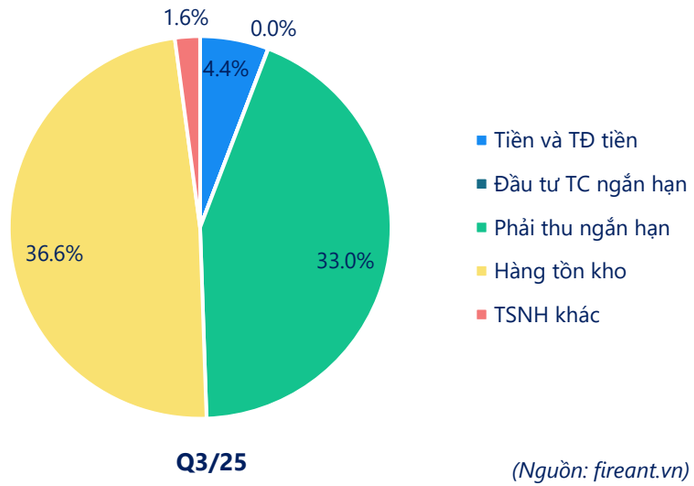
	YTD	1T	3T	6T
LCG	28.7%	4.1%	40.7%	30.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



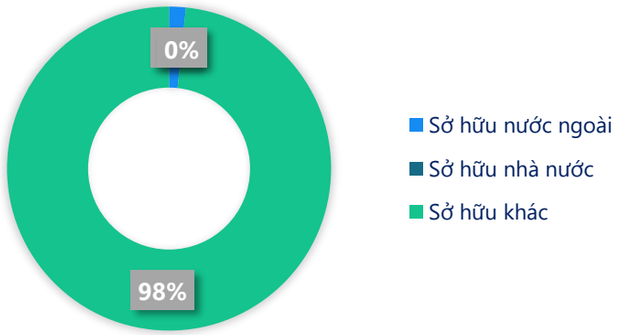
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



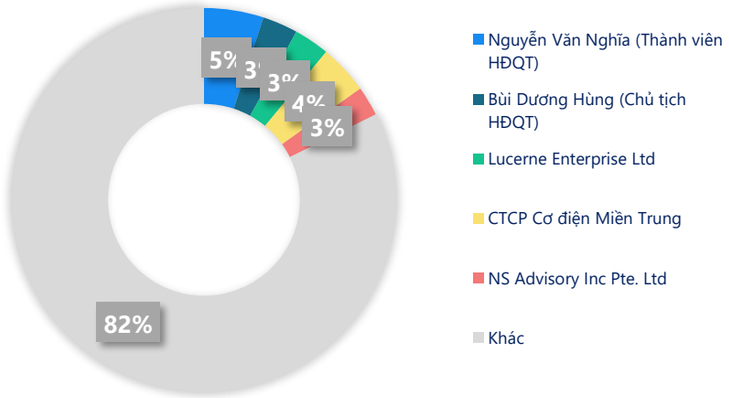
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



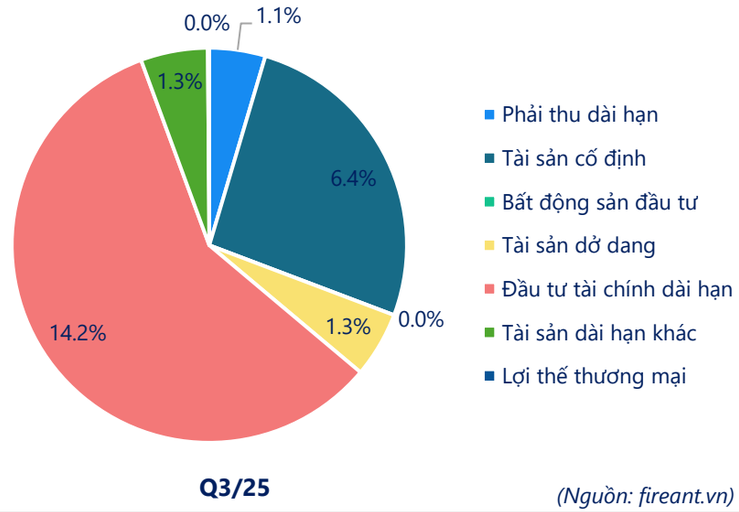
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

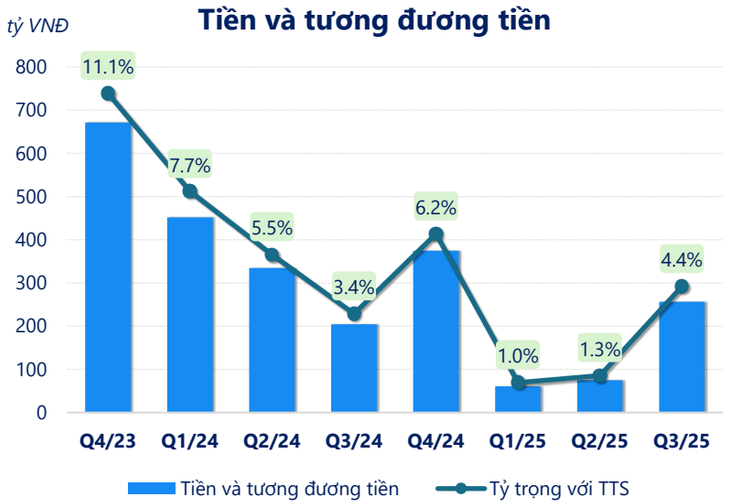


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

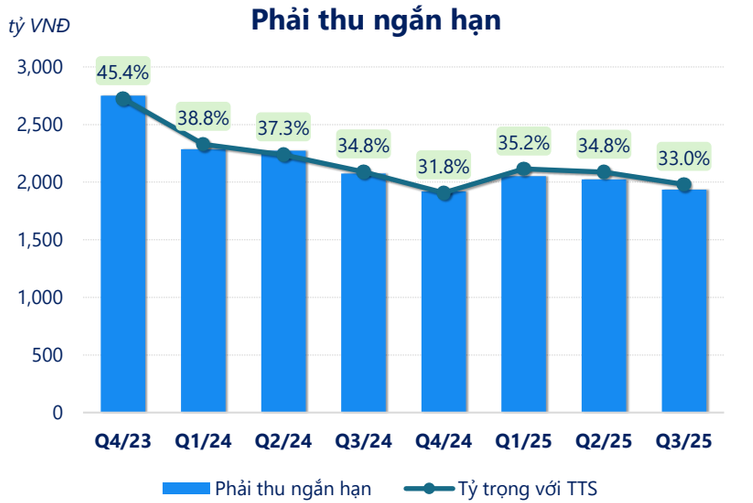
CTCP Lizen (HSX: LCG)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



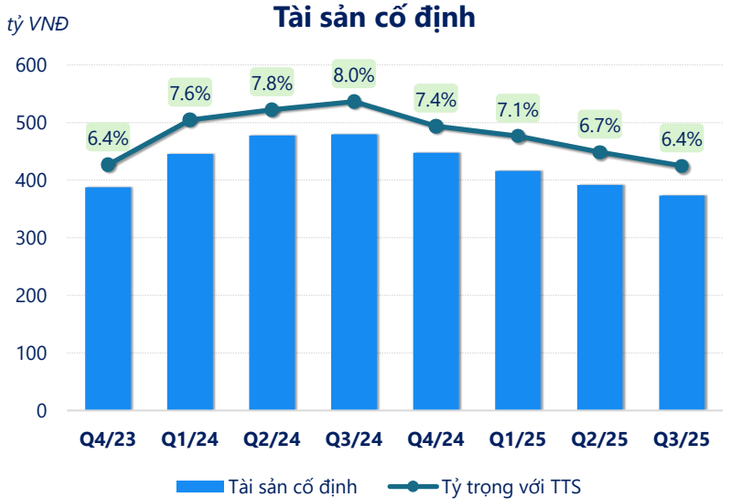
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



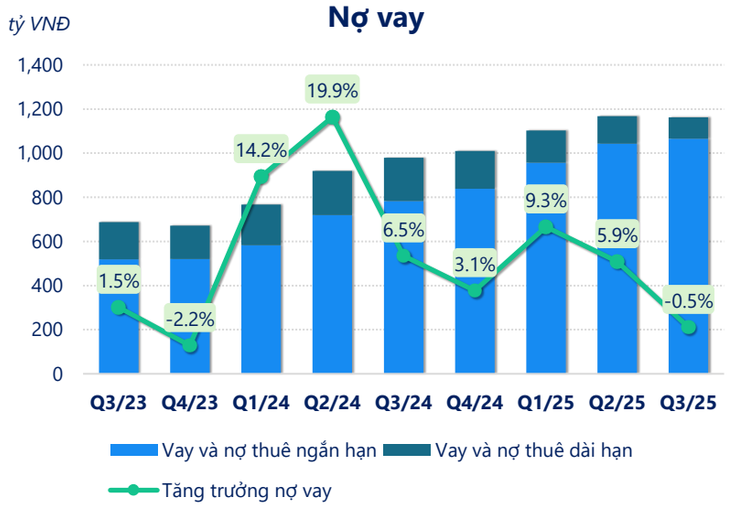
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



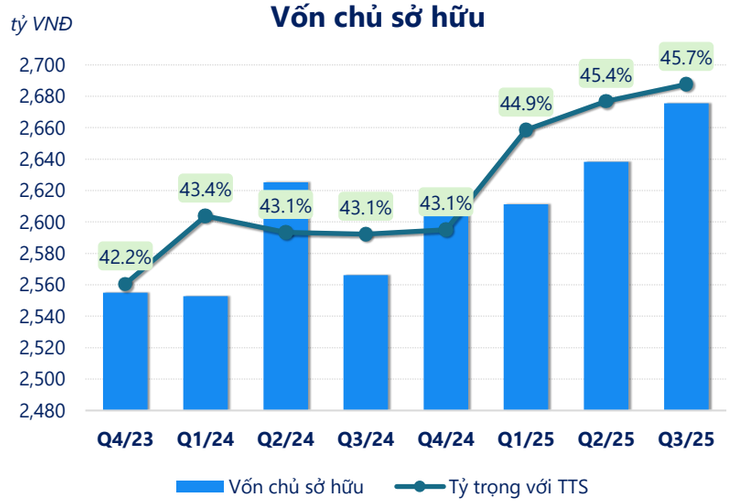
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

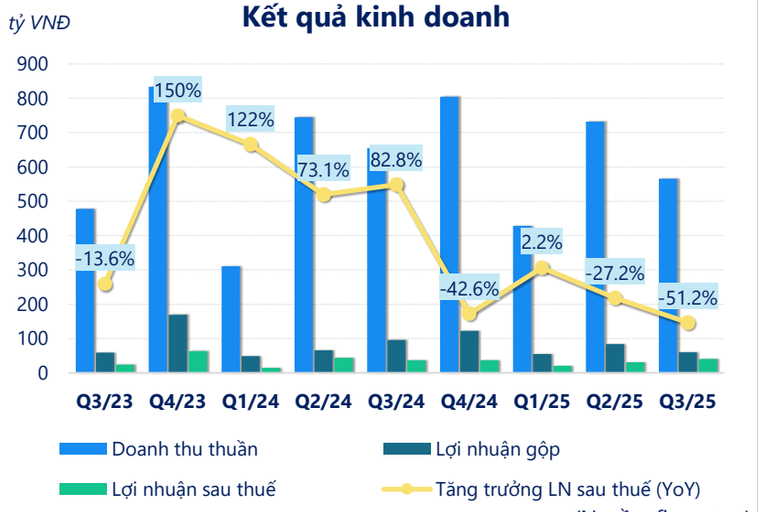


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

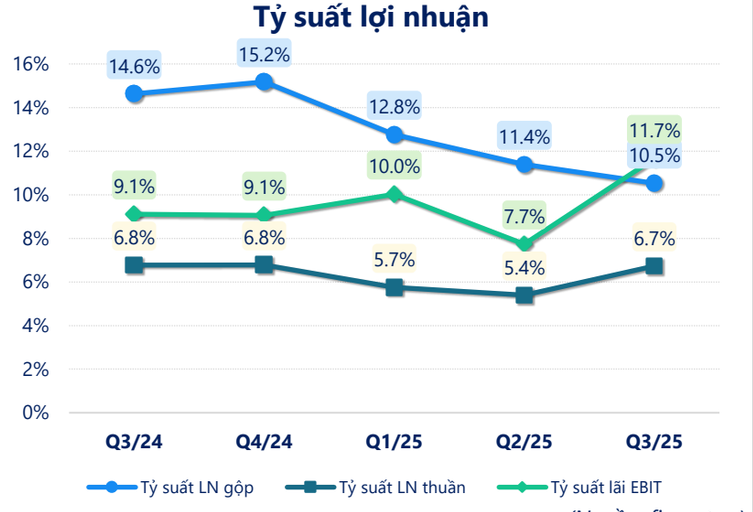
CTCP Lizen (HSX: LCG)

Kết quả kinh doanh



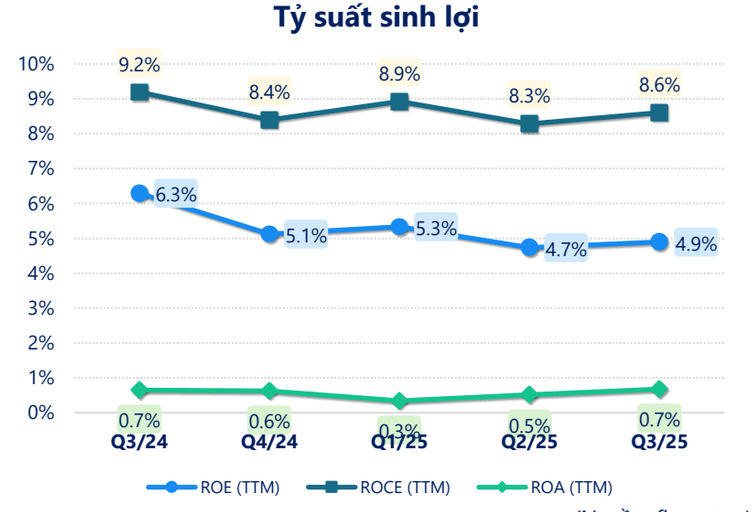
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



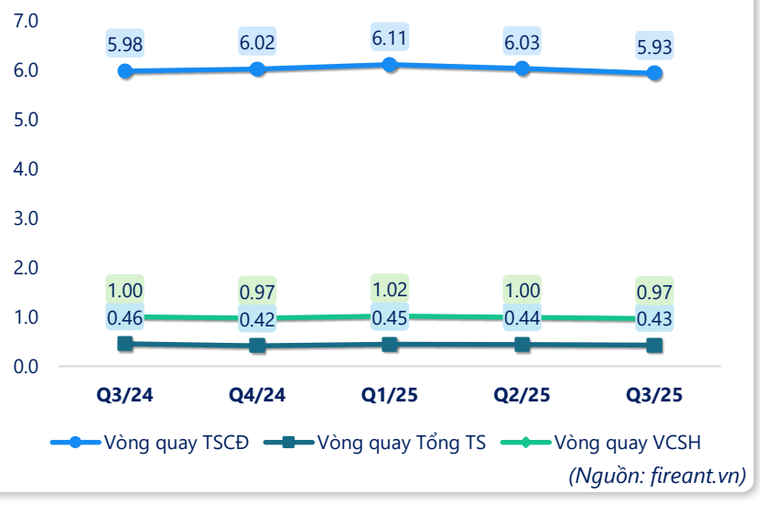
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



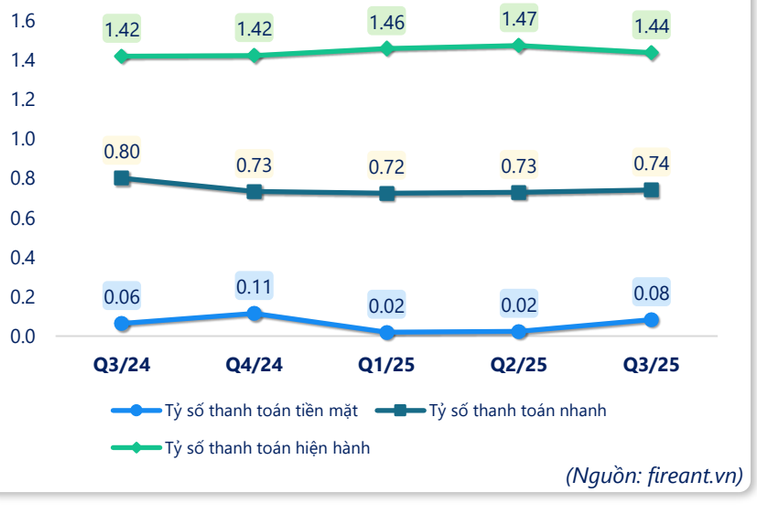
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



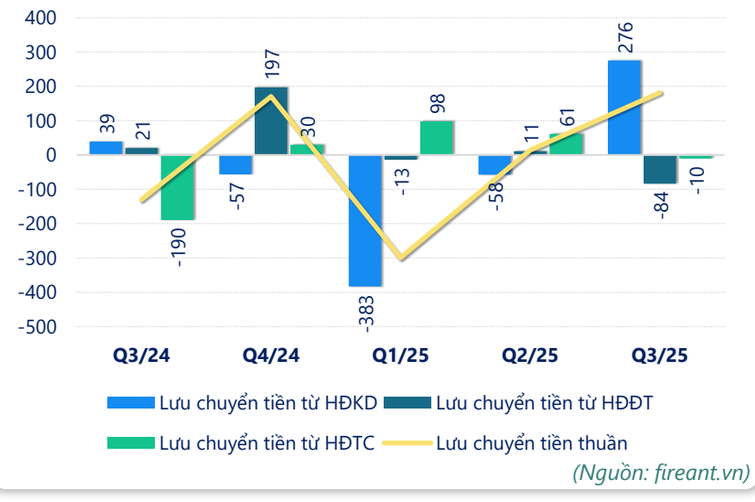
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Lizen (HSX: LCG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,859**	**6,020**	**-2.7%**
Tài sản ngắn hạn	4,433	4,607	-3.8%
Tiền và tương đương tiền	256	360	-28.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.96	11.0	-91.2%
Phải thu ngắn hạn	1,935	2,120	-8.7%
Hàng tồn kho	2,146	2,056	4.4%
Tài sản ngắn hạn khác	94.0	60.8	54.7%
Tài sản dài hạn	**1,427**	**1,413**	**1.0%**
Phải thu dài hạn	65.5	73.1	-10.5%
Tài sản cố định	373	447	-16.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	76.5	76.4	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	831	738	12.6%
Tài sản dài hạn khác	**78.4**	**74.9**	**4.6%**
Lợi thế thương mại	1.71	2.77	-38.3%
Nợ phải trả	3,184	3,429	-7.1%
Nợ ngắn hạn	**3,084**	**3,256**	**-5.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,065	838	27.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	635	758	-16.3%
Nợ dài hạn	99.6	173	-42.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	97.3	171	-43.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,676**	**2,591**	**3.3%**
Vốn chủ sở hữu	**2,676**	**2,591**	**3.3%**
Vốn điều lệ	1,951	1,951	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	654	804	428	732	566
Giá vốn hàng bán	558	682	374	649	506
Lợi nhuận gộp	95.7	122	54.7	83.4	59.5
Doanh thu HĐTC	1.00	4.42	2.92	-1.01	0.14
Chi phí TC	16.4	22.5	18.0	17.2	21.4
Chi phí lãi vay	16.4	18.1	18.0	17.2	21.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	9.39	5.30
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	36.0	49.5	15.0	35.0	5.49
LN thuần từ HĐKD	44.3	54.5	24.6	39.5	38.1
Lợi nhuận khác	-1.13	0.20	0.36	-0.09	6.47
LN trước thuế	43.1	54.7	25.0	39.4	44.6
Lợi nhuận sau thuế	36.5	36.6	20.3	30.4	40.1
LNST của CĐ cty mẹ	36.4	37.7	20.0	30.5	40.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	39.2	-56.7	-383	-57.6	276
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	20.6	197	-13.4	11.0	-84.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-190	30.0	97.7	61.0	-10.1
Tiền đầu kỳ	334	204	360	60.5	74.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-130**	**170**	**-299**	**14.3**	**182**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	204	374	60.5	74.8	256

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic